

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18/5/2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Tuyết Thanh
Ông Trần Ngọc Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX-ST ngày 31/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T** – sinh năm: 1984

-Bị đơn: Anh **Trịnh Tiến D** – sinh năm: 1980

Cùng địa chỉ: quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

(Có mặt các đương sự)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo Đơn khởi kiện; bản tự khai ngày 01/3/2022; biên bản hòa giải các ngày 22/3/2022 và ngày 31/3/2022; nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Chị và anh Trịnh Tiến D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 03/04/2013 tại Ủy ban nhân dân phường D, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh D thường xuyên rượu chè say xỉn, không tu trí làm ăn

mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải và cho cơ hội nhưng anh D không sửa chữa. Sau khi cưới hơn một tháng, anh D có hành vi tàng trữ ma túy và bị Tòa án nhân dân quận H xử phạt 02 năm tù vào tháng 9 năm 2011. Thời gian anh D đi thụ án chị đã chờ đợi và thường vào thăm nuôi anh D, trong lúc chờ đợi đó chị có thai và sinh một con chung với anh D là cháu Trịnh C – sinh ngày 29/11/2012. Chị nghĩ việc có con chung sẽ để anh D có trách nhiệm với vợ con nhưng đến khoảng năm 2017 – 2018 thì anh D lại tái sử dụng ma túy, chị cũng đã cho cơ hội, khuyên bảo anh D nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Chị đã làm đơn ly hôn và anh D đã ký nhưng sau đó nghĩ lại chị đã xé đơn vì vẫn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau nuôi dạy con.

Khoảng năm 2018 thì anh D cũng có đi làm lái xe và đưa tiền cho chị để cùng nuôi con. Khi anh D tái sử dụng lại ma túy và vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, chị và con đã sang quận L thuê nhà và ở riêng, anh D có đến và hứa sẽ thay đổi nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện nhiều. Cũng thời gian đó cháu C bị viêm cơ tim phải chữa bệnh và tốn tiền nên chị đã quay lại nhà bố mẹ anh D ở để nhờ ông bà chăm sóc cháu. Thời gian này anh D vẫn không tu sửa bản thân, vẫn uống rượu và luôn tỏ ra bức xúc, chị có nói thì anh D quay ra mắng chửi chị và xảy ra xô sát.

Ngày 30/4; 1/5/2019, anh D đã cầm con dao kẻ cổ chị và đuổi theo chị vào lúc 12h đêm ở tại nhà trọ phường D, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tháng 08/2021 chị và con ra ngoài ở riêng. Từ đó đến nay anh chị đã sống ly thân, kể từ khi ly thân đến nay anh D vẫn không có thiện chí thay đổi, tu chí làm ăn để hàn gắn tình cảm. Nay chị cảm thấy rất mệt mỏi, tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết đơn xin ly hôn của chị đối với anh D để chị ổn định cuộc sống.

-Về con chung: Anh chị có một con chung là Trịnh C (giới tính: nam); sinh ngày 29/11/2012. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con; không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

-Về nhà ở chung: Nhà ở phường D, Hoàn Kiếm, Hà Nội là nhà của bố mẹ anh D, thời gian ở đó, chị và anh D không có công sức đóng góp gì.

-Về công nợ chung: Anh chị không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

*** Bị đơn – anh Trịnh Tiến D trình bày:**

Anh D xác nhận lời khai của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Anh

cũng công nhận là có uống rượu và vì ức chế nên đã có những lời nói chưa đúng và anh không thừa nhận việc đánh chị T.

Sau khi đi chấp hành hình phạt tù về, anh có tu trí đi làm và chăm lo cho gia đình, đi làm lái xe và đưa tiền cho chị T chăm con.

Năm 2018 anh có mua ma túy về sử dụng nhưng sau đó anh đã từ bỏ và đi làm bình thường để chăm lo cho gia đình. Từ năm 2019 anh nghỉ việc ở Công ty và bức xúc do không có công ăn việc làm nên tâm lý ức chế, chị T cũng không có hỏi han gì nên anh chán nản, uống rượu và có xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Việc chị T bảo anh cầm dao kẻ cổ chị T là không đúng, không có chuyện đó xảy ra. Nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh đã nói với chị T là vợ chồng cùng nhau vượt qua để nuôi dạy con nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn.

Anh vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con nên không muốn ly hôn với chị T. Anh đề nghị Tòa án cho anh chị được ly thân để vợ chồng tìm được tiếng nói chung để nuôi dạy con. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì tùy chị T quyết định.

-Về con chung: Anh chị có một con chung là Trịnh C – sinh ngày 29/11/2012. Nếu phải ly hôn, anh nhường quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị T vì hiện tại anh không có điều kiện về kinh tế để nuôi con.

-Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nhà ở phường D, Hoàn Kiếm, Hà Nội là nhà của bố mẹ anh, thời gian ở đó, anh và chị T không có công sức đóng góp gì.

-Về công nợ chung: Anh chị không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Trịnh Tiến D, do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trịnh Tiến D hiện cư trú tại phường D, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo đến phiên tòa cho anh Trịnh Tiến D. Tuy nhiên anh D vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy,

Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng anh D vẫn không đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Tiến D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/04/2013 tại Ủy ban nhân dân phường D, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị T và anh D chỉ hòa thuận được thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do D thường xuyên say rượu dẫn đến gây sự, xúc phạm chị T, không tu trí làm ăn để cùng nhau nuôi dạy con. Mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên giải và cho cơ hội nhưng anh D không tu sửa. Anh D còn có hành vi tàng trữ ma túy và năm 2011 bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xử phạt 02 năm tù giam. Thời gian anh D đi thụ án chị T đã chờ đợi và vào thăm nuôi anh D, thời gian này chị và anh D đã sinh một con chung là cháu Trịnh C (giới tính: nam); sinh ngày 29/11/2012. Chị T cho rằng việc anh chị có con chung sẽ để anh D có trách nhiệm với vợ con nhưng đến khoảng năm 2017 anh D dùng lại ma túy, chị cũng đã cho cơ hội, khuyên bảo anh D nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Do đó chị đã làm đơn ly hôn và anh D đã ký nhưng sau đó nghĩ lại chị đã xé đơn vì vẫn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nuôi dạy con.

Khi anh D tái sử dụng ma túy và nảy sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, chị và con đã sang quận L thuê nhà và ở riêng, anh D có đến và hứa sẽ thay đổi. Cũng thời gian đó con chung của anh chị bị viêm cơ tim phải chữa bệnh và tốn tiền nên chị đã quay lại nhà bố mẹ anh D ở để nhờ ông bà chăm sóc cháu nhưng anh D vẫn không sửa chữa và vẫn rượu chè, chị có nói thì anh D quay ra mắng chửi chị và có xảy ra xô sát.

Anh đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận nguyện vọng của anh là để anh được ly thân với chị T chứ không muốn ly hôn nhưng thực tế chị T đã nhiều lần tạo điều kiện cho anh để sửa chữa bản thân, cụ thể anh chị đã ly thân vào các thời gian từ tháng 02/2018 đến tháng 3/2018; từ tháng 5/2019 đến tháng 6/2019; nhưng anh D vẫn không tu chí làm ăn để hỗ trợ gia đình trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Tháng 8/2021 đến nay chị và con ra ngoài ở riêng, anh chị tiếp tục sống ly thân nhưng anh D vẫn không có thiện chí sửa đổi để hàn gắn tình cảm. Anh không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, vẫn không quan tâm đến chị và con. Do vậy việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là Trịnh C (giới tính: nam); sinh ngày 29/11/2012. Ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Cháu C từ nhỏ đã sống cùng chị và cháu C

cũng có nguyện vọng được ở với chị T khi anh chị ly hôn, do vậy nên để con cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Hiện anh D không có việc làm ổn định nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh D cho đến khi chị T có yêu cầu.

- Về tài sản, nhà đất ở chung, công nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trịnh Tiến D.
2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị T anh Trịnh Tiến D có một con chung là cháu Trịnh C (giới tính: nam); sinh ngày 29/11/2012. Giao con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Trịnh Tiến D cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về công nợ chung: Anh chị không nợ ai và ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0051477 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Anh D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- UBND phường;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thanh Bình